

Bản án số: **49/2020/HS-ST**
Ngày 27 - 10 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Sáu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Ái.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Huynh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 48/2020/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 10 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị U (L), sinh năm 1964 tại Châu Đốc, An Giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Khóm CX, phường C, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Đạo Phật; con ông Nguyễn Văn L (chết) và bà Chế Thị Ô (chết); có chồng tên Đặng Văn H1 (chết) và có 03 con; con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 1995; anh, chị, em có 10 người, bị cáo là người thứ tám.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 1 nghỉ học phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt.

2. Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1973 tại Phú Tân, An Giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An; nghề nghiệp: Mua bán;

trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn L1 (chết) và bà Phạm Thị H1 (chết); có chồng tên Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974 và có 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2000; anh, chị em ruột có 08 người, bị cáo là người thứ bảy.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 5 nghỉ học phụ giúp gia đình, sống nghề mua bán cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt.

3. Trương Thị C, sinh năm 1968 tại An Phú, An Giang; ĐKHKTT: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; chỗ ở: Ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; con ông Trương Văn H2 (chết) và bà Đinh Thị Đ, sinh năm 1947; có chồng tên Nguyễn Văn N (chết) và có 02 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 1996; chị em ruột có 03 người, bị cáo là người thứ nhất.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 3 nghỉ học phụ giúp gia đình, sống nghề mua bán cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt.

4. Nguyễn Thị H, sinh năm 1973 tại An Phú, An Giang; ĐKHKTT và chỗ ở: Ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; con ông Nguyễn Văn H3 (chết) và bà Trần Thị M (chết); có chồng tên Bùi Văn H4, sinh năm 1973 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2013; anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ ba.

Nhân thân: Từ nhỏ sống với cha mẹ, học hết lớp 6 nghỉ học phụ giúp gia đình cho đến ngày phạm pháp.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/5/2020 đến ngày 13/5/2020 được thay đổi biện pháp tạm giữ, tạm giam bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú;

Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Huỳnh Văn C1, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp T, thị trấn L, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Lý Thị Tú A, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú,

tỉnh An Giang.

3. Phan Bảo T2, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp A, thị trấn AP, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

- *Người làm chứng:*

1. Trần Thị T3, sinh năm 1986;
2. Nguyễn Thị Bé N1, sinh năm 1988;
3. Mã Thị Ngọc T4, sinh năm 1990;
4. Nguyễn Thị T5, sinh năm 1980;
5. Nguyễn Thị C2, sinh năm 1982;
6. Hồ Thị N2, sinh năm 1951.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; những người làm chứng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 07/5/2020, nhận được tin báo tại khu vực tổ 7, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú có nhiều đối tượng đang đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức chơi tài xỉu, nên lực lượng Công an tiến hành đến địa điểm trên kiểm tra, phát hiện bắt quả tang Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C cùng tang vật, gồm:

- Số tiền 34.878.000 (ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng;
- 01 tấm nhựa ghi chữ “Tài”, “Xỉu”, 01 đĩa sành, 01 nắp nhựa, 06 hột xí ngầu.
- 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 06/5/2020, Huỳnh Văn C1 điện thoại rủ U đến tổ 7, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú tham gia đánh bạc dưới hình thức chơi tài xỉu thắng thua bằng tiền và thỏa thuận chia đôi tiền bảo. Ngày 06/5/2020 U lách được 02 chén bảo, chia cho C1 300.000 đồng.

Khoảng 11 giờ ngày 07/5/2020, U mang theo 20.000.000 đồng cùng dụng cụ lách tài xỉu (06 hột xí ngầu) đến địa điểm trên để tham gia đánh bạc, đến nơi thấy sòng tài xỉu đang chơi nên U nằm vờ đợi. Sau đó, C1 kêu U vào làm cái lách tài xỉu, U lấy ra 5.000.000 đồng làm vốn. Lúc này, T mang theo 3.000.000 đồng, C mang theo 992.000 đồng, H mang theo 1.114.000 đồng (tiền của H 814.000 đồng và 300.000 đồng của Nguyễn Thị C2 trả nợ cho H) đến sòng tài xỉu do U thủ cái tham gia đặt cược. Trong lúc chơi, Phan Bảo T2 làm vĩ chung chi tiền cho U được 01 ván thì U không cho T2 làm vĩ nữa, U tự mình chung chi với các con bạc. Lý Thị Tú A mang theo 40.000 đồng tham gia đặt cược 03 ván, mỗi ván 10.000 đồng (thua 02 ván, thắng 01 ván) thì nghỉ không tham gia đặt

cược nữa, nhưng vẫn ngồi tại khu vực sòng bạc để xem, còn T tham gia đặt cược mỗi ván 30.000 đồng, C đặt cược mỗi ván 100.000 đồng, H đặt cược mỗi ván 50.000 đồng. Chơi đến khoảng 13 giờ cùng ngày, thì Công an đến bắt quả tang U, T, H và C cùng với số tiền trên chiếu bạc 15.622.000 đồng, thu trong bóp vải của U 15.000.000 đồng và 06 hột xí ngầu, thu trên người C 792.000 đồng, thu trên người T 2.500.000 đồng, thu trên người H 964.000 đồng, thu trên người Lý Thị Tú A 30.000 đồng.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện An Phú ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C.

Trong quá trình điều tra, Huỳnh Văn C1 nộp lại số tiền 300.000 đồng.

Cáo trạng số 42/CT-VKS-AP ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú truy tố các bị cáo Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo thú nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án nêu trên. Các bị cáo thừa nhận số tiền trong bóp và số tiền trên người các bị cáo bị thu giữ sẽ sử dụng vào việc đánh bạc. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo không có ý kiến về các lời khai này.

Trong lời luận tội, Vị đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ của hành vi; các tình tiết giảm nhẹ, vai trò và nhân thân từng bị cáo, đã đề nghị tuyên các bị cáo Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C phạm tội “Đánh bạc”.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 38 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù giam.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự, xử phạt các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C hình phạt cải tạo không giam giữ, cụ thể:

- Xử phạt bị cáo T từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ;

- Xử phạt bị cáo H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng, được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ;

- Xử phạt bị cáo C từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng, được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ.

Đề nghị không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với tất cả các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị áp dụng các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 35.208.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng; tịch thu tiêu hủy dụng cụ lặt tãi xiu.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng, các bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện được xác định hợp pháp.

[1.2] Về việc vắng mặt tại phiên tòa: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, những người này đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; lời khai của những người này đã được công bố tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến. Xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử nên tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp với quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của những người tham gia tố tụng khác; phù hợp với nội dung Biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang ngày 07/5/2020 của Công an huyện An Phú và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Có cơ sở xác định: Khoảng 13 ngày 07/5/2020, trong lúc bị cáo Nguyễn Thị U đang thủ cái lặt tãi xiu được thua bằng tiền với các con bạc khác thì bị lực lượng Công an huyện An Phú bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc 15.622.000 đồng; trong bóp vải bị cáo U 15.000.000 đồng; trên người bị cáo C 792.000 đồng; trên người bị cáo T 2.500.000 đồng; trên người bị cáo H 964.000 đồng, tổng cộng là 34.878.000 (ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn). Các bị cáo đều thừa nhận số tiền các bị cáo mang theo trên người sử dụng vào việc đánh bạc. Căn cứ hướng dẫn tại mục 3,

Điều 1 Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22/10/2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tội “Đánh bạc” và “Tổ chức đánh bạc”, có căn cứ xác định số tiền đánh bạc bắt quả tang tại chiều bạc là 34.878.000 (ba mươi bốn triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn) đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc”; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xác định, Truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2] Đây là vụ án có đồng phạm nhưng với tính chất giản đơn, các bị cáo đều có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, tham gia đánh bạc bằng hình thức sử dụng dụng cụ tài xỉu. Bị cáo U là người thủ cái sát phạt với các con bạc còn lại. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với động cơ vụ lợi, mục đích thắng thua bằng tiền. Các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích vật chất và tính đam mê cờ bạc mà các bị cáo cố ý thực hiện. Đánh bạc là tệ nạn xã hội, gây mất an ninh trật tự; phát sinh mâu thuẫn gia đình; nó còn là nguyên nhân phát sinh nhiều tội phạm khác như: Trộm cắp, lừa đảo, cướp giật... Chính vì vậy, pháp luật nghiêm cấm mọi hành vi đánh bạc trái phép là nhằm đảm bảo tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội.

Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm trật tự quản lý hành chính của Nhà nước và làm ảnh hưởng lớn đến trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3] Về hình phạt:

Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đều mới phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo đều thuộc thành phần lao động nghèo, là lao động chính trong gia đình, riêng bị cáo T hiện đang mắc bệnh đái tháo đường và bệnh phụ nữ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên, vai trò, mức độ tham gia, tính nguy hiểm cho xã hội của từng bị cáo trong đồng phạm là khác nhau. Căn cứ mục 13 của Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 30/6/2020 hướng dẫn về việc áp dụng khung và mức hình phạt để cá thể hóa hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ; số tiền tham gia đánh bạc và nhân thân từng bị cáo. Cụ thể:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Thị U, bị cáo U sử dụng số tiền 20.000.000 đồng để đánh bạc, thủ cái sát phạt với các con bạc, là người có vai trò chính yếu trong đồng phạm. Bị cáo đã câu kết với Huỳnh Văn C1 tham gia đánh bạc được thua bằng tiền nhiều lần tại địa bàn An Phú, xét cần áp dụng hình phạt cách ly bị

cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để có đủ thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo; răn đe và phòng ngừa chung.

[3.2] Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C là những người tham gia đặt cược; số tiền đánh bạc nhỏ (T 3.000.000 đồng, H 1.114.000 đồng, C 992.000 đồng), là những người có vai trò thứ yếu; mới phạm tội lần đầu; có nơi cư trú rõ ràng. Xét không cần thiết áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo tự cải tạo, lao động dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng có thể đảm bảo việc răn đe, phòng ngừa.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị về mức hình phạt của vị đại diện Viện kiểm sát đối với từng bị cáo là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

[4.1] Hành vi làm vĩ chung chi của Phan Bảo T2 và hành vi tham gia đặt cược của Lý Thị Tú A là hành vi giúp sức và hành vi tham gia đánh bạc trái phép. Xét T2 chỉ làm vĩ một ván, Tú A đặt cược nhỏ (mỗi ván 10.000 đồng, đặt 3 ván) và đã tự ngưng tham gia trước khi bị bắt quả tang nên Cơ quan Điều tra không xử lý hình sự đối với T2 và Tú A là có căn cứ. Tuy nhiên, hành vi của T2 và Tú A là hành vi vi phạm pháp luật, cần xử lý hành chính để đảm bảo công tác phòng ngừa, sự nghiêm minh của pháp luật. Kiến nghị Công an huyện An Phú quyết định xử lý vi phạm hành chính đối với Phan Bảo T2 và Lý Thị Tú A.

[4.2] Đối với Huỳnh Văn C1 có hành vi rủ rê, lôi kéo bị cáo U đến An Phú đánh bạc. Theo lời khai của bị cáo U và một số người khác thì C1 có nhận chia tiền bảo từ bị cáo U vào ngày 06/5/2020 là 300.000 đồng. Ngày 07/5/2020 thì C1 có điện thoại gọi bị cáo U đến An Phú lắt tài xỉu. Tuy nhiên quá trình điều tra chưa điều tra làm rõ. Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục điều tra làm rõ hành vi và vai trò của Huỳnh Văn C1 trong đồng phạm để xử lý theo quy định.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo thuộc thành phần lao động nghèo, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, mới phạm tội lần đầu, nên thống nhất đề nghị của Viện kiểm sát, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Vật chứng còn lại gồm: Số tiền 35.208.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng; 01 tấm nhựa ghi chữ “Tài”, “Xỉu”, 01 đĩa sành, 01 nắp nhựa, 06 hột xí ngầu, 01 điện thoại di động, được xử lý như sau:

- Đối với số tiền 35.208.000 đồng (ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng. Trong đó, tiền thu tại chiếu bạc và trên người các bị cáo là 34.878.000 đồng; thu của Lý Thị Tú A 30.000 đồng; Huỳnh Văn C1 nộp lại 300.000 đồng được xác định là tiền sử dụng đánh bạc và tiền liên quan đến việc đánh bạc, nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Đối với tấm nhựa ghi chữ “Tài”, “Xiu”, đĩa sành, nắp nhựa, 06 hột xí ngầu là dụng cụ sử dụng vào việc đánh bạc. Xét không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với điện thoại di động là tài sản của cá nhân bị cáo U, xác định không liên quan tội phạm, nên trả lại cho bị cáo U.

[8] Về chi phí tố tụng:

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm;

Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị U (L), Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C đồng phạm tội: “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

2.1 Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U (Liên) 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc từ ngày bị cáo bị bắt chấp hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo bị tạm giữ 06 (sáu) ngày (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020).

2.2 Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy T 12 (mười hai) tháng Cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020). Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo T là 11 (mười một) tháng 12 (mười hai) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thùy T cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

2.3 Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020). Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo H là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được

giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị H cho Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

2.4 Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các điều 17, 58; Điều 36 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Trương Thị C 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ nhưng được khấu trừ 06 (sáu) ngày bị tạm giữ (từ ngày 07/5/2020 đến 13/5/2020). Thời gian chấp hành hình phạt Cải tạo không giam giữ còn lại của bị cáo C là 08 (tám) tháng 12 (mười hai) ngày tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Trương Thị C cho Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C trong thời gian chấp hành án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C thực hiện các nghĩa vụ chấp hành án được quy định tại Điều 99 Luật Thi hành án hình sự năm 2019; trường hợp vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 100 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

Căn cứ các điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) tấm nhựa ghi chữ “Tài-Xiu”; 01 (một) đĩa sành; 01 (một) nắp nhựa; 06 (sáu) hạt xí ngầu.

3.2 Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 35.208.000 (ba mươi lăm triệu hai trăm lẻ tám nghìn) đồng.

3.3 Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J7 Prime, màu vàng đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/9/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú; Biên lai thu tiền số AA/2017/0000644 ngày 29/9/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện An Phú).

4. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc:

- Bị cáo Nguyễn Thị U (L) phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thùy T phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Bị cáo Trương Thị C phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

Án tuyên công khai có mặt các bị cáo Nguyễn Thị U, Nguyễn Thị Thùy T, Nguyễn Thị H, Trương Thị C. Thời hạn kháng cáo của các bị cáo là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/10/2020).

Thời hạn kháng cáo của Huỳnh Văn C1, Phan Bảo T2, Lý Thị Tú A là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện An Phú(1);
- NTG Công an huyện An Phú (1);
- THA DS huyện An Phú (1);
- Bộ phận THAHS Tòa án (4);
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú (4);
- Bị cáo (4);
- Người liên quan (3);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Sáu